

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	06	0.6
2	Cát xét	13	0.3
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	0.08
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	0.6
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		4		0.22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Người lập biểu

Lưu Văn Thủy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
ĐA PHÚC
 Nguyễn Duy Hiền

Biểu mẫu 12
TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông Đa Phúc năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	87		34	45	3	5	0	50	27	0	30	46	1	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	74		31	43				50	24	0	29	44	1	0
1	Toán	11		7	4				9	2	0	5	6	0	0
2	Lý	7		2	5				5	2	0	3	4	0	0
3	Hóa	6		4	2				2	4	0	3	3	0	0
4	Sinh	5		4	1				1	4	0	3	2	0	0
5	Văn	11		4	7				9	2	0	3	8	0	0
6	Địa	4		3	1				0	4	0	4	0	0	0
7	Sử	3		2	1				2	1	0	1	2	0	0
8	GDCD	3		2	1				1	2	0	0	2	1	0
9	QPAN	1			1				1	0	0	0	1	0	0
10	TDTT	6			6				5	1	0	1	5	0	0
11	KTCN	2			2				2	0	0	0	2	0	0
12	KTNN	1			1				1	0	0	0	2	0	0
13	Tin	4		2	2				4	0	0	2	2	0	0
14	Anh	10		1	9				8	2	0	4	6	0	0
II	Cán bộ quản lý	3		3					0	3	0	1	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1						1	0	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2		2					0	2	0	1	1	0	0
III	Nhân viên	10			2	3	5								
1	NV văn thư	1					1								

2	Kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Phục vụ	1					1								
10	Bảo vệ	4				3	1								



Người lập biểu

[Signature]

Lưu Văn Thủy

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Duy Hiền

TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC
CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH
Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công khai theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Cụ thể:

Năm học 2023-2024 trường THPT Đa Phúc đã công khai các khoản thu chi tài chính gồm các nội dung sau:

- Công khai thu chi tài chính năm học 2023-2024

(Thời điểm công khai tháng 9 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024, công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 của trường THPT Đa Phúc 2023 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 3 năm 2023 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai số liệu quyết toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2022 của trường THPT Đa Phúc

- Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí để mua phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật học kỳ I năm học 2023-2024 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023(công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023(công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai dự toán ngân sách giao năm 2024 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2024 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

- Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí để mua phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật học kỳ 2 năm học 2023-2024 (công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

2- Công khai thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023-2024:

a- Thu theo quy định

* **Học phí:** Mức thu: 217.000đồng/hs/tháng đối với học trực tiếp; thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm học 2023-2024.

Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

*** Bảo hiểm y tế học sinh:**

Thực hiện theo hướng dẫn số 291/HDLN-BHXH-GDDT ngày 14/8/2023 của UBND huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

+ Mức thu đối với học sinh khối 10,11 (12 tháng): 680.400đồng/hs

+ Mức thu đối với học sinh khối 12 (9 tháng): 510.300đồng/hs

Thời gian thu tháng 11 năm 2023.

b-Thu thỏa thuận

* **Tiền học thêm:** Mức thu: 7000đồng/hs/tiết thực học (theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

* **Tiền nước uống:** Mức thu 12.000đồng/hs (thu theo số tháng học sinh đi học thực tế) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

* Bảo hiểm thân thể: Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm. Mức thu phù hợp với từng học sinh từ 100.000 đồng/HS đến 200.000 đồng/HS.

* Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011. Trên tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

3. Dự kiến mức thu học phí và các khoản thu khác của 2 năm học tiếp theo (năm học 2024-2025, năm học 2025-2026)

a-Thu theo quy định

+ Học phí: Mức thu: Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội. Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

+ Bảo hiểm y tế học sinh: Thực hiện theo văn bản quy định.

b-Thu thỏa thuận

* Tiền học thêm ngoài giờ chính khóa: Mức thu dự kiến Từ 10.000 đồng/hs/tiết đến 12.000đồng/hs/tiết (theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội)

* Tiền nước uống: Mức thu dự kiến từ 12.000đồng/hs/tháng đến 16.000 đồng/hs/tháng, thu theo số tháng học sinh đi học thực tế (theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

* Học tiếng anh bổ trợ: 50 000đồng/hs/tiết học.

* Bảo hiểm thân thể: Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

* Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011. Trên tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

4.Các khoản chi của năm học 2023-2024:

- Chi lương, phụ cấp lương 9.411.598.000 đồng

- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 1.762.409.000 đồng

- Chi Thu nhập hàng tháng của giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý:

+ Thu nhập hàng tháng của giáo viên và nhân viên: mức thu nhập bình quân: 11.000.000đ/tháng, mức cao nhất: 16.000.000đ/tháng, mức thấp nhất: 5.000.000đ/tháng

+ Cán bộ quản lý: mức thu nhập bình quân: 15.00.000đ/tháng, mức cao nhất: 16.500.000đ/tháng, mức thấp nhất: 14.500.000đ/tháng.

- Mức chi thường xuyên/1 học sinh: 9.300.000đ/học sinh/năm

- Chi mua sắm; cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp: 1.130.000.000 đồng

5. Chính sách và kết quả thực hiện hàng năm:

Thực hiện đúng chế độ chính sách, cụ thể:

*** Năm học 2023-2024**

- Về chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I:

+ Số học sinh được miễn học phí: 11 học sinh thuộc hộ nghèo, mồ côi, khuyết tật và con Thương bệnh binh;

+ Số học sinh được giảm 50% học phí: 05 em thuộc hộ cận nghèo năm 2023.

+ Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 06 học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Về chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II:

+ Số học sinh được miễn học phí: 11 học sinh thuộc hộ nghèo, mồ côi, khuyết tật và con Thương bệnh binh;

+ Số học sinh được giảm 50% học phí: 02 em (01 em thuộc hộ cận nghèo năm 2023, 01 em là đối tượng có Bố lực lượng vũ trang tai nạn lao động).

+ Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 06 học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

6. Kết quả kiểm toán (nếu có): Không

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Duy Hiền